

Số: 620/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 21 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Theo đề nghị của Sở Tài chính (Văn bản số 732/STC-QLNS ngày 28/3/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý I năm 2023 theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s. *Phng*


Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
BỘ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Hưng


CÂN ĐOINGAN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2023
 (Kèm theo Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG THU NSNN	20.997.877	8.765.193	41,7	103,1
A	TỔNG THU NSDP	16.779.807	8.206.524	48,9	110,6
I	Thu NSNN trên địa bàn	14.152.000	2.372.658	16,8	77,6
1	Thu nội địa	11.352.000	1.892.658	16,7	85,2
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	2.800.000	480.000	17,1	57,4
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		4.765.567		
III	Trợ cấp NSTW	6.845.877	1.619.000	23,6	
IV	Thu kết dư ngân sách				
V	Tạm thu ngân sách nhà nước		1.268		
VI	Thu từ các khoản cho vay của NN		200		
VII	Các khoản ghi thu trên địa bàn		6.500		
B	TỔNG CHI NSDP	16.851.707	4.718.922	28,0	130,2
I	Chi cân đối NSDP	16.590.804	4.621.168	27,9	132,2
1	Chi đầu tư phát triển	5.557.118	2.500.714	45,0	162,7
2	Chi thường xuyên	10.747.629	2.120.137	19,7	111,3
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5.734	318		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
5	Chi nộp ngân sách cấp trên				
6	Dự phòng ngân sách	278.873			
II	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	260.903			
III	Các khoản ghi chi trên địa bàn		6.500		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	71.900			
D	CHI TRẢ NỢ GÓC				
E	CHI TẠM ỨNG		91.253		



Biểu số 60/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

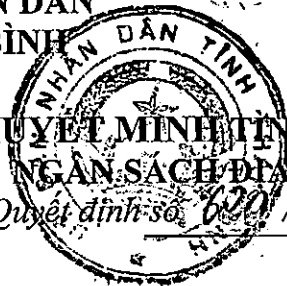
STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	14.152.000	2.372.658	16,8	77,6
I	Thu nội địa	11.352.000	1.892.658	16,7	85,2
1	Thu từ khu vực DNNN	774.000	128.573	16,6	96,3
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	145.000	37.741	26,0	96,2
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.100.000	496.887	23,7	93,9
4	Thuế thu nhập cá nhân	380.000	126.566	33,3	94,2
5	Thuế bảo vệ môi trường	3.300.000	114.128	3,5	26,7
6	Lệ phí trước bạ	386.000	90.920	23,6	90,1
7	Thu phí, lệ phí	95.000	33.243	35,0	105,4
8	Các khoản thu về nhà, đất	3.928.000	790.996	20,1	106,4
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20.000	2.026	10,1	32,2
-	Thu tiền sử dụng đất	3.668.000	701.924	19,1	98,6
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	240.000	87.046	36,3	343,3
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-	-	-
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	38.000	292	0,8	6,7
10	Thu lợi nhuận còn lại	6.000	-	0,0	-
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	78.000	25.892	33,2	129,1
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	20.000	3.288	16,4	30,1
13	Thu khác ngân sách	100.000	44.132	44,1	204,4
14	Thu tiền sử dụng khu vực biên	2.000	-	-	-
II	Thu từ dầu thô	-	-	-	-
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	2.800.000	480.000	17,1	57,4
IV	Thu viện trợ	-	-	-	-
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	9.933.930	1.813.989	18,3	91,8
1	Từ các khoản thu phân chia	4.546.595	714.846	-	-
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	5.387.335	1.099.143	-	-

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DT NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSĐP	16.851.707	4.718.922	28,0	130,2
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	16.590.804	4.621.168	27,9	132,2
I	Chi đầu tư phát triển	5.557.118	2.500.714	45,0	162,7
1	Chi đầu tư cho các dự án	5.557.118	2.500.714	45,0	162,7
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công ích				
II	Chi thường xuyên	10.747.629	2.120.137	19,7	111,3
	<i>Tỷ trọng</i>	<i>64,8</i>	<i>45,9</i>		
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	4.342.386	879.992	20,3	117,7
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số KHHGD	846.422	129.877	15,3	83,3
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	35.074	4.078	11,6	71,4
4	Chi sự nghiệp văn hóa TT.TT & DL	155.470	26.960	17,3	119,9
5	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	60.264	10.013	16,6	114,7
6	Chi đảm bảo xã hội	1.618.814	374.504	23,1	115,6
7	Chi sự nghiệp kinh tế	1.054.085	137.211	13,0	121,9
8	Chi sự nghiệp tài nguyên và môi trường	532.225	19.641	3,7	115,4
9	Chi quản lý hành chính	1.703.716	446.983	26,2	108,0
10	Chi trợ giá	15.500	3.000	19,4	100,0
11	Chi khác ngân sách	81.241	2.624	3,2	55,2
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5.734	318		
IV	Dự phòng ngân sách	278.873			
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
VI	Chi trả nợ gốc				
VII	Chi nộp ngân sách cấp trên				
B	BỘI CHI NSĐP	71.900			
C	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	260.903			
D	CÁC KHOẢN GHI CHI TRÊN ĐỊA BÀN		6.500		
E	CHI TẠM ỨNG		91.253		



**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 620 /QĐ-UBND ngày 21 /3/2023 của UBND tỉnh)

1. Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) ước thực hiện 3 tháng đầu năm 8.765,1 tỷ đồng, đạt 41,7% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 103,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP) ước thực hiện 3 tháng đầu năm 8.206,5 tỷ đồng, đạt 48,9% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 110,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Một số khoản thu thực hiện như sau:

1.1. Thu nội địa: ước thực hiện 1.892,6 tỷ đồng, đạt 16,7% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 85,2% so với cùng kỳ năm 2022.

1.2. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: ước thực hiện 480 tỷ đồng, đạt 17,1% dự toán giao, bằng 57,4% so với cùng kỳ năm 2022.

1.3. Thu chuyển nguồn năm trước sang: 4.765,5 tỷ đồng.

1.4. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: ước thực hiện 1.619 tỷ đồng, đạt 23,6% dự toán năm.

2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

Tổng chi cân đối NSDP ước thực hiện 3 tháng đầu năm 4.718,9 tỷ đồng, đạt 28% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 130,2% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó:

2.1. Chi đầu tư phát triển: ước thực hiện 2.500,7 tỷ đồng, đạt 45% dự toán năm, bằng 162,7% so với cùng kỳ năm 2022.

2.2. Chi tiêu dùng thường xuyên: ước thực hiện 2.120,1 tỷ đồng, đạt 19,7% dự toán giao, bằng 111,3% so với cùng kỳ năm 2022, đã đáp ứng nhu cầu chi lương, các khoản an sinh xã hội, chi trợ cấp trong dịp Tết Nguyên đán, cụ thể:

Sự nghiệp kinh tế ước thực hiện 137,2 tỷ đồng, đạt 13% dự toán năm; sự nghiệp tài nguyên và môi trường ước thực hiện 19,6 tỷ đồng, đạt 3,7% dự toán năm; sự nghiệp khoa học công nghệ ước thực hiện 4,0 tỷ đồng, đạt 11,6% dự toán năm; chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 879,9 tỷ đồng, đạt 20,3% dự toán năm; chi sự nghiệp văn hoá thể thao du lịch ước thực hiện 26,9 tỷ đồng, đạt 17,3% dự toán năm; sự nghiệp y tế, dân số KHHGD ước thực hiện 129,8 tỷ đồng, đạt 15,3% dự toán năm; chi đảm bảo xã hội ước thực hiện 374,5 tỷ đồng, đạt 23,1% dự toán năm; chi quản lý hành chính ước thực hiện 446,9 tỷ đồng, đạt 26,2% dự toán năm./.